

Số: 684/QĐ-UBND

Lạc Phương, ngày 26 tháng 6 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình:**  
**Nhà hiệu bộ trường Mầm non Quang Trung, huyện Tứ Kỳ**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LẠC PHƯƠNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính Phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính Phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;*

*Căn cứ Thông tư số 91/2025/TT-BTC ngày 26/9/2025 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;*

*Căn cứ Quyết định số 152/2025/QĐ-UBND ngày 09/9/2025 của UBND thành phố Hải Phòng ban hành quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; quản lý chất lượng công trình; quản lý chi phí đầu tư xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng;*

*Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế xã.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình: Nhà hiệu bộ trường Mầm non Quang Trung, huyện Tứ Kỳ như sau:**

1. Tên công trình: Nhà hiệu bộ trường Mầm non Quang Trung, huyện Tứ Kỳ.
2. Chủ đầu tư: UBND xã Lạc Phượng.
3. Địa điểm xây dựng: Xã Quang Trung, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là xã Lạc Phượng, thành phố Hải Phòng).
4. Thời gian thực tế khởi công: từ 13 tháng 7 năm 2020 đến ngày 27 tháng 4 năm 2026.

**Điều 2. Kết quả đầu tư**

1. Chi phí đầu tư:

| TT | Hạng mục                       | Tổng mức đầu tư được duyệt (đồng) | Giá trị quyết toán được phê duyệt (đồng) |
|----|--------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------|
| 1  | Chi phí xây dựng               | 2.525.148.000                     | 2.485.970.000                            |
| 2  | Chi phí quản lý dự án          | 82.875.000                        | 75.341.000                               |
| 3  | Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng | 328.697.000                       | 320.626.000                              |
| 4  | Chi phí khác                   | 91.782.000                        | 33.483.000                               |
| 5  | Chi phí dự phòng               | 151.425.000                       | 0                                        |
|    | <b>Tổng giá trị</b>            | <b>3.179.927.000</b>              | <b>2.915.420.000</b>                     |

2. Vốn đầu tư:

| Số TT | Nội dung                              | Tổng mức đầu tư được duyệt (đồng) | Giá trị quyết toán được phê duyệt (đồng) |
|-------|---------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------|
| 1     | <b>Vốn đầu tư công</b>                | <b>3.179.927.000</b>              | <b>2.915.420.000</b>                     |
| 1.1   | <b>Vốn ngân sách nhà nước</b>         | <b>3.179.927.000</b>              | <b>2.915.420.000</b>                     |
|       | - Vốn ngân sách Trung ương            | 0                                 |                                          |
|       | - Vốn ngân sách địa phương            | 3.179.927.000                     | 2.915.420.000                            |
|       | + Vốn ngân sách thành phố             | 0                                 | 0                                        |
|       | + Vốn ngân sách xã                    | 3.179.927.000                     | 2.915.420.000                            |
| 1.2   | <b>Vốn từ nguồn thu hợp pháp khác</b> | <b>0</b>                          | <b>0</b>                                 |
| 2     | <b>Vốn khác (nếu có)</b>              | <b>0</b>                          | <b>0</b>                                 |

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: 0 đồng
4. Giá trị tài sản hình thành là kết quả của quá trình thực hiện dự án: **2.915.420.000 đồng** (Hai tỷ chín trăm mười năm triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).
- 4.1. Giá trị thực tế: **2.915.420.000 đồng** (Hai tỷ chín trăm mười năm triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).
- 4.2. Giá trị quy đổi (nếu có): 0 đồng.
5. Giá trị vật tư, vật liệu, thiết bị tồn đọng (nếu có): 0 đồng.

**Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan**

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:
- 1.1. Được phép tất toán chi phí vốn đầu tư là:

Đơn vị tính: đồng

| Số TT      | Nội dung                                                                                                    | Số tiền                             | Ghi chú |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|---------|
| <b>1</b>   | <b>Vốn đầu tư công</b>                                                                                      | <b>2.915.420.000</b>                |         |
| <b>1.1</b> | <b>Vốn ngân sách nhà nước</b>                                                                               | <b>2.915.420.000</b>                |         |
|            | - Vốn ngân sách Trung ương<br>- Vốn ngân sách địa phương<br>+ Vốn ngân sách thành phố<br>+ Vốn ngân sách xã | 2.915.420.000<br>0<br>2.915.420.000 |         |
| <b>1.2</b> | <b>Vốn từ nguồn thu hợp pháp khác</b>                                                                       | <b>0</b>                            |         |
| <b>2</b>   | <b>Vốn khác (nếu có)</b>                                                                                    | <b>0</b>                            |         |

- 1.2. Các khoản công nợ tính đến ngày 17 tháng 6 năm 2026:

- Tổng nợ phải thu: 0 đồng.
- Tổng nợ phải trả: **796.183.628 đồng, cụ thể:**

| TT | NỘI DUNG                                      | GIÁ TRỊ A-B ĐƯỢC THANH TOÁN | ĐÃ THANH TOÁN | CỘNG NỢ     |          |
|----|-----------------------------------------------|-----------------------------|---------------|-------------|----------|
|    |                                               |                             |               | PHẢI TRẢ    | PHẢI THU |
| 1  | Chi phí xây dựng                              | 2.485.970.000               | 1.996.445.000 | 489.525.000 |          |
| 2  | Chi phí quản lý dự án                         | 75.341.000                  | 0             | 75.341.000  |          |
| 3  | Chi phí khảo sát địa chất và lập báo cáo KTKT | 190.473.000                 | 78.096.000    | 112.377.000 |          |

|    |                                                   |                      |                      |                    |  |
|----|---------------------------------------------------|----------------------|----------------------|--------------------|--|
| 4  | Chi phí thí nghiệm nén tĩnh cọc tre               | 29.455.000           | 29.341.372           | 113.628            |  |
| 5  | Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng                | 6.515.000            | 6.515.000            |                    |  |
| 6  | Chi phí thẩm tra dự toán xây dựng                 | 6.313.000            | 6.313.000            |                    |  |
| 7  | Chi phí lập HSMT, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công | 6.427.000            | 0                    | 6.427.000          |  |
| 8  | Chi phí tư vấn giám sát thi công                  | 81.443.000           | 0                    | 81.443.000         |  |
| 9  | Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu                  | 1.263.000            | 1.263.000            |                    |  |
| 10 | Chi phí thẩm định kết quả LCNT                    | 1.263.000            | 1.263.000            |                    |  |
| 11 | Chi phí kiểm toán độc lập                         | 30.457.000           |                      | 30.457.000         |  |
| 12 | Chi phí thẩm tra, PD quyết toán                   | 500.000              |                      | 500.000            |  |
|    | <b>Tổng cộng</b>                                  | <b>2.915.420.000</b> | <b>2.119.236.372</b> | <b>796.183.628</b> |  |

## 2. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan:

### 2.1. Trách nhiệm của chủ đầu tư

- Giao cho bộ phận chuyên môn kế toán căn cứ giá trị quyết toán phê duyệt tại Điều 2 thanh, quyết toán cho các đơn vị có liên quan đảm bảo thủ tục, hồ sơ thanh toán theo quy định.

- Bàn giao 01 bộ hồ sơ (sao chụp) cho trường Mầm Non Quang Trung để mở sổ theo dõi tài sản cố định theo quy định.

### 2.2. Trách nhiệm của các nhà thầu thi công và tư vấn xây dựng công trình

- Chấp hành giá trị đã được phê duyệt quyết toán tại Điều 2 của Quyết định này.

- Phối hợp với chủ đầu tư về số liệu và tính pháp lý đối với các tài liệu có liên quan trong hồ sơ quyết toán để làm thủ tục thanh toán đảm bảo theo quy định.

### 2.3. Trách nhiệm của đơn vị khi tiếp nhận tài sản

- Giao cho bộ phận chuyên môn mở sổ sách theo dõi, ghi tăng giá trị tài sản dài hạn: Nhà hiệu bộ trường Mầm non Quang Trung, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Lạc Phượng, thành phố Hải Phòng).

- Sử dụng đúng mục đích, hiệu quả công trình đảm bảo theo quy định.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế xã, Chủ đầu tư, trường Mầm Non Quang Trung, đơn vị thi công và các đơn vị tư vấn có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

***Nơi nhận:***

- Chủ tịch, các PCT. UBND xã;
- Như Điều 4;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu VT, phòng KT.

**CHỦ TỊCH**

**Vũ Duy Sỹ**